

Bản án số: 51/2023/DS-PT

Ngày: 13 - 9 - 2023.

V/v: *Tranh chấp hợp đồng*

*vay tài sản; Nghĩa vụ bảo lãnh;*

*Kiện đòi tài sản;*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Trang.***

***Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Anh Trang;***

***Bà Trần Thị Diệu.***

***Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoàng Xuân*** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:***

***Ông Nguyễn Văn Thắng*** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2023/TLPT-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023 về việc tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản; Nghĩa vụ bảo lãnh; Kiện đòi tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2023/QĐXXPT-DS ngày 05/9/2023 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn: Ông Đặng Văn Q***, sinh năm: 1971 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

***Địa chỉ: Khu phố H, phường M, TP. P, Ninh Thuận.***

2. ***Bị đơn:***

2.1. Ông Lê Bá H, sinh năm: 1976 (Có mặt);

2.2. Bà Hoàng Thị Kim H, sinh năm: 1979 (Có mặt);

***Cùng địa chỉ: Số H, đường T, Khu phố K, phường P, thành phố P, Ninh Thuận.***

3. ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

***Ông Nguyễn Trung N***, sinh năm: 1973. Vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố N, phường M, thành phố P, Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận( Hiện đang giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Thuận; Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Ông **Lê Bá H**, bà **Hoàng Thị Kim H** là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - ông Đặng Văn Q trình bày:*

Giữa ông và vợ chồng ông Lê Bá H bà Hoàng Thị Kim H có quan hệ làm ăn với nhau, vợ chồng ông H vay tiền của ông cho người khác vay lại. Ngày 29/07/2019 vay 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*); Ngày 29/08/2019 vay 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*); Ngày 20/08/2019 vay 1.800.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm triệu đồng*); Ngày 30/08/2019 vay 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*); Ngày 16/09/2019 vay 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*); Ngày 09/10/2019 vay 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*); Ngày 16/01/2020 ông H bảo lãnh cho ông Nguyễn Trung N vay 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*); Ngày 26/02/2020 cho vợ chồng bà H vay số tiền 1.100.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm triệu đồng*). Ngày 03/05/2020 bà H viết giấy hẹn nợ xác nhận còn nợ ông số tiền 1.100.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 26/02/2020 đến ngày 03/05/2020 là 72.000.000 đồng. Tổng số tiền ông cho ông H và bà H vay 5.100.000.000 đồng, trong đó: ông H nhận tiền vay 4.000.000.000 (*Bốn tỷ*) đồng, bà H nhận tiền vay 1.100.000.000 (*Một tỷ một trăm triệu*) đồng; ông H bảo lãnh trả nợ thay cho ông Nguyễn Trung N 700.000.000 đồng. Tổng cộng là 5.800.000.000 (*Năm tỷ tám trăm triệu*) đồng.

Trong các lần cho vay: vào các ngày 29/7, 20/8, 30/8, 16/9, 09/10 năm 2019 ông giao tiền cho ông H; ngày 26/02/2020 ông giao tiền cho bà H; lần cho vay ngày 29/8/2019 ông chuyển tiền qua tài khoản ông H. Các bên thoả thuận hợp đồng vay có lãi bằng lời nói. Trước đây, ông trình bày lãi suất 2%/tháng là do nhớ nhầm. Nay ông xác định lãi suất cho vay khoảng 20%/năm, 1,6%/tháng.

Ông xác nhận: ông H đã trả tiền nợ gốc vay tổng cộng **3.741.600.000** đồng. Cụ thể: Chuyển khoản cho ông vào các ngày: Ngày 30/8/2019 số tiền 200.000.000 đồng, ngày 06/9/2019 số tiền 250.000.000 đồng, ngày 11/9/2019 số tiền 100.000.000 đồng, ngày 18/9/2019 số tiền 300.000.000 đồng, ngày 10/12/2019 số tiền 200.000.000 đồng, ngày 12/12/2019 số tiền 200.000.000 đồng, ngày 22/9/2020 số tiền 301.400.000 đồng, ngày 23/9/2020 số tiền 100.200.000 đồng; Chuyển khoản cho Đặng Lê Nhật H: Ngày 10/9/2019 số tiền 1.600.000.000 đồng, ngày 13/9/2019

số tiền 250.000.000 đồng; Chuyển khoản cho Hàng Xuân N: Ngày 30/10/2019 số tiền 240.000.000 đồng.

Đối với tiền 1.100.000.000 đồng mà bị đơn bà Hoàng Thị Kim H viết giấy nhận nợ ngày 03/5/2020: ông xác nhận bà H đã trả được tổng cộng 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) thông qua người giúp việc của ông là: Lê Văn G (Giác) 15.000.000 đồng vào các ngày 12/7, 20/7 và 10/7/ 2020, mỗi lần 5.000.000 đồng; trả thông qua ông Nguyễn Ngân Đ là 45.000.000 đồng, mỗi lần 5.000.000 đồng vào các ngày 26/7, 02/8, 09/8, 16/8, 24/8, 30/8, 15/9, 24/9, 13/11/2020 và ngày 02/9/2020 ông Đ là 10.000.000 đồng.

Về lãi, ông H đã trả lãi đến ngày 23/9/2020, hai bên không lập biên nhận khi trả lãi, lãi suất theo quy định 20%/năm. Từ sau ngày 23/9/2020, ông H không trả gốc và lãi. Như vậy, đối với số tiền ông H trực tiếp vay 4.000.000.000 đồng thì đến nay ông H còn nợ gốc là 258.400.000 đồng và lãi phát sinh trên dư nợ gốc. Đối với số tiền bà H đã trả ông trừ vào gốc vay. Hiện bà H còn nợ tiền vay 1.030.000.000 đồng và lãi trên dư nợ gốc.

Tại đơn khởi kiện ngày 04/01/2021, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc phía bị đơn ông H và bà H trả số tiền còn nợ 3.800.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/02/2023, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc phía ông H và bà H trả tiền lãi tính đến ngày 04/3/2023 là 420.160.000 đồng.

Quá trình làm việc tại tòa, ông H cho rằng ông H không vay số tiền 1.100.000.000 đồng. Do đó, ông thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

Tại đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 12/6/2023, bản khai ngày 16/6/2023, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc:

- Ông Lê Bá H trả cho ông số tiền gốc vay mà ông H còn nợ 258.400.000 đồng với lãi suất 10%/năm, 0,833%/tháng, 0,0277%/ngày từ ngày 04/01/2021 đến ngày xét xử khoảng 894 ngày là 63.989.000 đồng [cách tính lãi = (258.400.000 đồng x 0,0277%/ngày) x 894 ngày].

- Bà Hoàng Thị Kim H trả cho ông số tiền gốc vay là 1.030.000.000 đồng với lãi suất 10%/năm, 0,833%/tháng, 0,0277%/ngày từ ngày 04/01/2021 đến ngày xét xử khoảng 894 ngày là 255.067.000 đồng [cách tính lãi = (1.030.000.000 đồng x 0,0277%/ngày) x 894 ngày].

Ông tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ của ông Lê Bá H đối với ông Nguyễn Trung N số tiền 700.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Bá H về việc đòi lại tài sản số tiền 1.764.000.000 đồng thì ông không đồng ý, do yêu cầu phản tố ông H không có căn cứ nên ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu phản tố ông H.

Đối với ý kiến của ông H cho rằng ông đang lưu giữ cuốn sổ ghi chép khoản tiền mà ông H trả nợ cho ông là không đúng, do ông không có cũng như không lưu

giữ cuốn sổ nào như ý kiến trình bày của ông H nên ông không có để cung cấp cho Tòa án. Ngoài ra, chữ viết và số trong tài liệu USB và trên giấy photo do ông H chụp lại và photo ra cung cấp cho Tòa án thì ông xác định không phải là chữ viết của ông. Toàn bộ số tiền ông cho ông H, bà H vay là tài sản riêng của ông, không phải là tài sản chung của vợ chồng ông.

Đối với số tiền ông H trình bày từ ngày 21/01/2019 đến 25/6/2019 đã chuyển khoản cho ông, con ông - Đặng Lê Nhật H thì đây là số tiền mà ông H trả ông đổi với số nợ ông H vay ông trước ngày 29/7/2019 trở về trước. Các khoản ông H vay trước ngày 29/7/2019 thì ông không khởi kiện, không tranh chấp trong vụ án này.

*Bị đơn ông Lê Bá H trình bày:*

Giữa ông và nguyên đơn ông Đặng Văn Q có quan hệ làm ăn vay tài sản với nhau, việc ông vay mượn tiền ông Q là cá nhân ông, không liên quan đến vợ ông - bà Hoàng Thị Kim H, bà H hoàn toàn không biết việc vay mượn tiền. Khi vay, lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói, tại Bản trình bày ý kiến ngày 01/4/2021, ngày 17/12/2021 ông khai lãi suất 3%/tháng; tại phiên tòa ông cho rằng lãi suất 1%/ngày, khi trả lãi hai bên không lập văn bản. Ông xác định có vay của ông Q số tiền 4.000.000.000 đồng, vay nhiều lần như ông Q trình bày. Khi vay, ông có viết giấy nhận nợ, riêng khoản vay ngày 29/8/2019 ông Q chuyển khoản cho ông 700.000.000 đồng.

Sau khi vay, hàng tháng ông và ông Q cùng đối chiếu sổ sách tiền gốc, tiền lãi và thanh toán đầy đủ, không để tồn đọng lâu dài. Ông đã trả hết nợ gốc vay và lãi cho ông Q với số tiền là 5.764.000.000 đồng nên hiện nay ông không còn nợ ông Q. Các lần ông trả như sau:

- Chuyển khoản trực tiếp cho ông Q: Ngày 30/8/2019 số tiền 200.000.000 đồng, ngày 06/9/2019 số tiền 250.000.000 đồng, ngày 11/9/2019 số tiền 100.000.000 đồng, ngày 18/9/2019 số tiền 300.000.000 đồng, ngày 22/9/2020 số tiền 301.400.000 đồng, ngày 23/9/2020 số tiền 100.200.000 đồng, ngày 10/12/2019 số tiền 200.000.000 đồng, ngày 12/12/2019 số tiền 200.000.000 đồng.

- Chuyển khoản cho con ông Q, chị Đặng Lê Nhật H: Ngày 10/9/2019 số tiền 1.600.000.000 đồng, ngày 13/9/2019 số tiền 250.000.000 đồng.

- Chuyển khoản cho bạn ông Q, ông Hàng Xuân N ngày 30/10/2019 số tiền 240.000.000 đồng.

- Trả tiền mặt:

+ Ông giao trực tiếp cho ông Q: Ngày 17/9/2019 số tiền 100.000.000 đồng tại nhà ông Q, ngày 18/10/2019 số tiền 300.000.000 đồng, ngày 21/10/2019 số tiền 20.000.000 đồng tại Phòng công chứng, ngày 06/11/2019 số tiền 200.000.000 đồng tại nhà ông Q.

+ Vợ ông, bà H giao trực tiếp cho ông Q: Ngày 25/12/2019 số tiền 50.000.000 đồng, ngày 22/01/2020 số tiền 50.000.000 đồng.

+ Ông giao cho người làm công của ông Q: ông Lê Văn G (Gi): ngày 11/10/2019 số tiền 500.000.000 đồng; giao ông Nguyễn Văn T (C) ngày 06/11/2019 số tiền 150.000.000 đồng và ngày 22/01/2020 số tiền 50.000.000 đồng.

+ Vợ ông, bà H giao cho người làm công của ông Q: ông Nguyễn Văn T (C) ngày 11/12/2019 số tiền 81.000.000 đồng.

+ Ngoài ra, bà H còn trả tiền mặt tổng cộng 122.000.000 đồng cho ông Thành, ông G và ông Nguyễn Ngân Đ đối với số tiền theo giấy hẹn nợ mà ông Q cho người ép buộc vợ ông viết vào ngày 03/5/2020.

Đối với số tiền trả qua chuyển khoản, ông đã cung cấp chứng từ Giấy nộp tiền, Ủy nhiệm chi cho Tòa án. Riêng trả tiền mặt cho ông Q hoặc người làm công của ông Q, giữa ông và ông Q, người làm công của ông Q không lập biên nhận; tuy nhiên số tiền có thể hiện trong quyển sổ ghi chép của ông Q do ông Q lưu giữ, ông có chụp lại bằng điện thoại, sao chép qua USB, photo dữ liệu và đã cung cấp cho Tòa án. Ông không yêu cầu giám định dữ liệu trong USB mà ông đã nộp cho Tòa.

Đối với số tiền 1.100.000.000 đồng mà bà H viết giấy hẹn nợ ngày 03/5/2020, ông không biết, ông không vay số tiền này, vợ ông - bà H cũng không vay số tiền này. Việc bà H viết giấy hẹn nợ là do trong lúc ông vắng nhà, ông Q cho người làm công, gồm: ông Nguyễn Văn T (C), Lê Văn G (Giác) và Nguyễn Ngân Đ đến nhà ông ép buộc, đe dọa bà H, bà H lo sợ ảnh hưởng đến gia đình nên bà H viết giấy hẹn nợ. Ngoài lời trình bày, ông không có tài liệu, chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

Do ông cho rằng đã trả hết số nợ vay, tiền lãi và trả hơn số nợ ông đã vay là 1.764.000.000 đồng, vì vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông, buộc ông Q trả lại tài sản với số tiền 1.764.000.000 đồng cho ông. Đây là yêu cầu phản tố của cá nhân ông không liên quan đến vợ ông.

Tại phiên tòa, ông tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phản tố về việc đòi lại tài sản số tiền 1.764.000.000 đồng.

Đối với số tiền phát sinh thêm 5.348.000.000 đồng mà ông khai tại văn bản Ý kiến bổ sung ngày 01/3/2023, Biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2023 thì ông không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Ông trình bày số tiền này chỉ nhằm chứng minh thêm ông đã trả hết nợ cho ông Q.

Ông không có ý kiến đối với rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay 700.000.000 đồng.

*Quá trình tố tụng - Bị đơn bà Hoàng Thị Kim H trình bày:*

Bà thống nhất với toàn bộ ý kiến, lời trình bày của ông Lê Bá H. Bà không biết việc làm ăn vay mượn giữa ông H với ông Q nên không liên quan đến bà. Riêng

giấy hẹn nợ bà viết ngày 03/5/2020 với nội dung có nợ ông Đặng Văn Q 1.100.000.000 đồng và 72.000.000.000 đồng tiền lãi là do ông Q cho một số người làm công đến nhà bà trong lúc chồng bà vắng nhà để ép buộc bà viết giấy hẹn nợ mà sự thật thì bà không vay ông Q. Sau khi viết giấy hẹn nợ, ông Q cho người làm công là ông G(Gi), ông Đ đến nhà bà thu lãi từ tháng 2 đến tháng 11/2020 tổng cộng 122.000.000 đồng, cụ thể: Cuối tháng 2/2020 thu 15.000.000 đồng, đầu tháng 3/2020 thu 7.000.000 đồng, ngày 02/5/2020 thu 10.000.000 đồng, ngày 07/5/2020 thu 10.000.000 đồng, ngày 10/5/2020 thu 15.000.000 đồng; ngày 02/9/2020 thu 10.000.000 đồng; các ngày 12/5/2020, 20/7/2020, 26/7/2020, 02/8/2020, 16/8/2020, 24/8/2020, 30/8/2020, 3/9/2020, 15/9/2020, 24/9/2020, 03/11/2020 – mỗi ngày thu 5.000.000 đồng. Khi giao nhận tiền lãi, bà có lập văn bản bằng giấy vở, kẻ ngang và có chữ ký của người thu tiền tên Đ, G(Gi), bà đã cung cấp bản gốc các văn bản này cho Tòa án.

Sau khi ông Q khởi kiện vợ chồng bà tại Tòa án, bà đã làm đơn tố cáo ông Q đến Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm về hành vi ép buộc bà viết giấy hẹn nợ ngày 03/5/2020. Ngày 18/10/2021 Công an phường Phước Mỹ có Báo cáo trả lời kết quả xác minh đơn tố cáo: *Nội dung đơn tố cáo của bà không có dấu hiệu của tội phạm hình sự, mặt khác Công an phường Phước Mỹ chưa tiếp nhận nguồn tin tố giác nào từ gia đình bà.* Quá trình tố tụng tại Tòa án, ngoài lời trình bày bà không có tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp cho Tòa.

Bà không có yêu cầu phản tố, không có ý kiến đối với yêu cầu phản tố cũng như việc rút toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Lê Bá H. Bà không có ý kiến đối với rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Q về nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay với số tiền 700.000.000 đồng.

Do bà không nợ tiền ông Q, vì vậy bà đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Trung N trình bày:* Ông không có ý kiến đối với việc ông Đặng Văn Q rút yêu cầu khởi kiện về nghĩa vụ bảo lãnh số tiền 700.000.000 đồng liên quan đến ông.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận đã tuyên xử như sau:*

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

## 1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn Q.

Buộc bị đơn ông Lê Bá H trả cho ông Đặng Văn Q tổng số tiền là 322.747.500 đồng (*Ba trăm hai mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng*), trong đó: nợ vay 258.400.000 đồng (*Hai trăm năm mươi tám triệu bốn trăm đồng*), nợ lãi 64.347.500 đồng (*Sáu mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng*).

Buộc bị đơn bà Hoàng Thị Kim H trả cho ông Đặng Văn Q tổng số tiền là 1.286.493.600 đồng (*Một tỷ hai trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn sáu trăm đồng*), trong đó: nợ vay 1.030.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi triệu đồng*), nợ lãi 256.493.600 đồng (*Hai trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn sáu trăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/6/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

## 2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn Q về nghĩa vụ bảo lãnh đối với số tiền 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*).

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Bá H về việc đòi lại tài sản số tiền 1.764.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm sáu mươi bốn triệu đồng*)

Ông Đặng Văn Q, ông Lê Bá H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với phần yêu cầu bị đình chỉ, theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/7/2023 ông Lê Bá H, bà Hoàng Thị Kim H làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm cụ thể: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vắng mặt và đã nộp bản trình bày ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn tranh luận: đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Bác toàn bộ yêu cầu

kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Đơn kháng cáo ngày 06/7/2023 của bị đơn ông Lê Bá H, bà Hoàng Thị Kim H làm trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo quy định.

Đơn kháng cáo bổ sung ngày 08/9/2023 của bị đơn ông Lê Bá H, bà Hoàng Thị Kim H làm khi đã hết thời hạn kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn ông Đặng Văn Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung Nguyên vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.3] Tại phiên tòa hôm nay các bị đơn ông H, bà H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

[2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết của vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bảo lãnh tài sản và Kiện đòi tài sản*” là phù hợp.

#### **[3] Về nội dung:**

[3.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Bá H: *không nợ số tiền 258.400.000 đồng của ông Đặng Văn Q vì vậy việc tính lãi 63.989.000 đồng là không có căn cứ*, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông H trình bày: vợ chồng ông có quan hệ làm ăn vay mượn tiền của nguyên đơn. Ông có nhận tiền từ nguyên đơn 4.000.000.000 đồng và cho rằng vợ ông bà Hoàng Thị Kim H bị ép viết giấy nhận nợ ngày 03/5/2020 là 1.100.000.000 đồng nhưng bị đơn lại cho rằng đã trả hết nợ cho nguyên đơn và còn trả hơn số nợ bị đơn đã vay 5.100.000.000 đồng là 1.764.000.000 đồng. Cụ thể: đã trả được số tiền vay qua hình thức chuyển khoản trực tiếp cho nguyên đơn ông Q, con nguyên đơn - chị Đặng Lê Nhật H và bạn nguyên đơn - ông Hàng Xuân N với tổng số tiền **3.741.600.000 đồng** được thể hiện qua chứng từ chuyển khoản tại Ngân hàng; trả tiền mặt trực tiếp cho nguyên đơn và người làm công của nguyên đơn: **2.023.000.000 đồng**; ông Nguyễn Trung Nguyên trả cho nguyên đơn thay bị đơn: **2.000.000.000 đồng** theo Giấy thỏa thuận cầm đồ ngày 16/01/2022 (BL 277). Như vậy, bị đơn đã thừa nhận có nợ của nguyên đơn số tiền 5.100.000.000 đồng. Nguyên đơn chỉ thừa nhận bị đơn đã trả **3.741.600.000 đồng** qua chuyển khoản ngân hàng.



[3.1.2] Ông H cho rằng ông và vợ ông đã trả tiền mặt trực tiếp cho nguyên đơn ông Q và những người làm công của ông Q - ông Lê Văn G (G), ông Nguyễn Văn T (C) với tổng số tiền **2.023.000.000** đồng (BL 277). Tài liệu ông đưa ra là mẫu chữ viết trên giấy vở được ông dùng điện thoại chụp lại và sao chép qua USB cùng với một số mẫu giấy vở photo có chữ và số. Đối với tài liệu này, nguyên đơn không thừa nhận có lưu giữ cuốn sổ ghi chép như bị đơn ông H trình bày. Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định các tài liệu này. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xét thấy cần thiết giám định mẫu chữ viết trong tài liệu nêu trên nên đã ra quyết định Trưng cầu giám định số 23/2022/QĐ-TCGD ngày 28/9/2022. Tại văn bản số 389/KTHS ngày 13/10/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Thuận trả lời: *“Mẫu chữ viết trên tài liệu cần giám định là hình ảnh được chụp lại (Lưu trữ trên USB). Do đó, không tiến hành giám định, kết luận theo quy định. Căn cứ Điều 24 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, Phòng Kỹ thuật hình sự từ chối yêu cầu giám định”* (BL 40).

[3.1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm ông H cung cấp bản photô Giấy thỏa thuận cầm đồ ngày 16/01/2022 (BL 297) có nội dung: *“Vào ngày 20/12/2019 tôi Nguyễn có cầm cố cho ông Q 11 quyền sở hữu đất thuộc huyện Ninh Sơn với số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) với thời gian là 03 tháng với lãi suất là 6%/ tháng ...”* và cho rằng ông Nguyễn Trung N đã trả nợ thay cho ông 2.000.000.000 đồng. Xét thấy: Trong nội dung giấy thỏa thuận này không thể hiện nội dung ông Nguyễn Trung N đã trả nợ thay cho ông H 2.000.000.000 đồng. Mặt khác, ông H không đưa ra được bản gốc để đối chiếu nên không có giá trị chứng minh. Ngoài lời trình bày, tài liệu chụp lại lưu trên USB, ông H không cung cấp được chứng cứ nào khác. Các ông Q, ông Giác, ông Thành đều không thừa nhận đã nhận số tiền như ông H trình bày. Ông H cũng không đưa ra được chứng cứ các ông này nhận tiền từ ông H hay vợ ông H. Ông H cũng không ký xác nhận vào các tài liệu này. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các ý kiến của ông H đã trả tiền mặt cho nguyên đơn và ông Nguyễn Trung N đã trả thay ông H 2.000.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.1.4] Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H phải trả cho nguyên nợ gốc vay 258.400.000 đồng (*Hai trăm năm mươi tám triệu bốn trăm đồng*), nợ lãi 64.347.500 đồng (*Sáu mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng*). Tổng cộng: 322.747.500 đồng (*Ba trăm hai mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng*) là đúng.

[3.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị Kim H: *không ký hợp đồng vay số tiền 1.030.000.000 đồng của nguyên đơn và không đồng ý trả lãi suất theo quyết định của bản án sơ thẩm*, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.2.1] Bà H thừa nhận giấy hẹn nợ viết tay ngày 03/5/2020 (BL07) là do bà ký và viết nhưng bà cho rằng do bị người làm công của ông Q là các ông: Lê Văn

G (G), Nguyễn Văn T (C), Nguyễn Ngân Đ đến nhà bà ép buộc bà trong lúc chồng bà ông Lê Bá H vắng nhà là mâu thuẫn với lời khai của bà tại Biên bản ghi lời khai ngày 16/10/2021 của Công an pH Phước Mỹ, bà H khai “*Trong quá trình nói chuyện tôi không bị ai chửi bới, xúc phạm, khủng bố và yêu cầu ghi giấy nợ 1.100.000.000 đồng cả*”, “*Tôi viết đơn này mục đích để cơ quan công an biết tình hình việc nợ nần giữa vợ chồng tôi và anh Q chưa thống nhất. Sự việc này đang được Tòa án TP.Phan Rang - Tháp Chàm thụ lý giải quyết dân sự. Tôi sợ anh Q làm điều gì đó ảnh hưởng đến gia đình tôi nên tôi viết đơn để phòng ngừa*” (BL 167, 168).

Tại Báo cáo kết quả xác minh đơn tố cáo ngày 18/10/2021 của Công an phường Phước Mỹ cung cấp cho Tòa án nhân dân Thành phố Phan Rang Tháp Chàm có nội dung “*Công an pH đã tiến hành xác minh xác định việc bà H viết giấy nợ cho ông Đặng Văn Q số tiền 1.100.000.000 đồng là có thật nhưng đã xảy ra vào ngày 03/5/2020, tuy nhiên việc viết giấy nợ không có ai hành hung, đe dọa hay ép buộc gì. Từ ngày 3/5/2020 đến ngày 5/10/2021 gia đình bà H không tới Công an phường trình báo nội dung gì với lý do gia đình bận nhiều công việc không có thời gian trình báo (được thể hiện tại biên bản làm việc của bà H và chồng bà Lê Bá H ngày 05/10/2021 và tại biên bản làm việc ngày 16/10/2021 bà H khẳng định nhớ nhầm việc đã lên Công an phường trình báo*” (BL169). Như vậy, bà H cho rằng bà bị ép viết giấy nhận nợ là không có cơ sở.

[3.2.2] Tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa phúc thẩm bà H, ông H đều thừa nhận: bà H có trả cho nguyên đơn số tiền 122.000.000 đồng theo giấy nhận nợ viết ngày 03/5/2020. Điều này chứng minh bà H có vay tiền của nguyên đơn theo giấy nhận nợ ngày 03/5/2020. Bà H không có chứng cứ đã trả số tiền 122.000.000 đồng và nguyên đơn chỉ thừa nhận bà H đã trả số tiền gốc 70.000.000 đồng vào các ngày 12/7, 20/7, 10/7, 26/7, 02/8, 16/8, 24/8, 30/8, 02/9, 15/9, 24/9, 09/8 và 13/11 năm 2020 do có chữ ký nhận tiền của ông Nguyễn Ngân Đ (BL 82, 84, 85). Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà H phải trả số tiền gốc 1.030.000.000 đồng cùng với tiền lãi 256.493.600 đồng cho nguyên đơn là đúng.

[4] Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và tranh luận của các bị đơn; Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[5] Về án phí:

\* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Bá H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là **16.137.375 đồng** [cách tính: 5% x (258.400.000 đồng tiền gốc + 64.347.500 đồng tiền lãi)].

Bà Hoàng Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là **50.594.800** đồng {cách tính: 36.000.000 đồng + [3% (1.030.000.000 đồng tiền gốc + 256.493.600 đồng tiền lãi - 800.000.000 đồng)]}.

Do ông Lê Bá H rút yêu cầu phản tố nên hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.467.500 đồng.

Ông Đặng Văn Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

\* Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Bá H, bà Hoàng Thị Kim H mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên bố: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Lê Bá H, bà Hoàng Thị Kim H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Các điều 227, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn Q.

Buộc bị đơn ông Lê Bá H trả cho ông Đặng Văn Q tiền nợ gốc vay 258.400.000 đồng (*Hai trăm năm mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng*), tiền nợ lãi 64.347.500 đồng (*Sáu mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng*). Tổng cộng: **322.747.500** đồng (*Ba trăm hai mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng*), trong đó:

Buộc bị đơn bà Hoàng Thị Kim H trả cho ông Đặng Văn Q tiền nợ gốc 1.030.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi triệu đồng*), tiền nợ lãi 256.493.600 đồng (*Hai trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn sáu trăm đồng*). Tổng cộng: **1.286.493.600** đồng (*Một tỷ hai trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn sáu trăm đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với*

*khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền này, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án này theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

**2.** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn Q về nghĩa vụ bảo lãnh đối với số tiền 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*).

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Bá H về việc đòi lại số tiền **1.764.000.000** đồng (*Một tỷ bảy trăm sáu mươi bốn triệu đồng*)

Ông Đặng Văn Q, ông Lê Bá H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với phần yêu cầu bị đình chỉ, theo quy định pháp luật.

### **3.** Về án phí:

*\*Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bị đơn bà Hoàng Thị Kim H phải chịu 50.594.800 đồng (*Năm mươi triệu năm trăm chín mươi bốn ngàn tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Lê Bá H phải chịu **16.137.375** đồng án phí dân sự sơ thẩm (*Mười sáu triệu một trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.467.500 đồng (*Ba mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0003954 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm ông H được hoàn trả 16.330.125 đồng (*Mười sáu triệu ba trăm ba mươi ngàn một trăm hai mươi lăm đồng*) tiền chênh lệch.

Hoàn trả cho ông Đặng Văn Q tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 32.403.000 đồng (*Ba mươi hai triệu bốn trăm lẻ ba ngàn đồng*) theo các Biên lai thu tiền số 0023335 ngày 02/3/2021, số 0004989 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

*\* Về án phí dân sự phúc thẩm:*

Ông Lê Bá H phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005596 ngày 21/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Hoàng Thị Kim H phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005597 ngày 21/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm do ông H nộp thay bà Hoàng Thị Kim H. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự (4);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND Tp. Phan Rang – Tháp Chàm(1);
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang - Tháp Chàm (1);
- Phòng KTNV & THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Trang**